BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 373 /BKHĐT - QLQH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh	*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2021*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, căn cứ Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14), Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (Nghị định số 37/2019/NĐ-CP) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về cách thức, mức độ tích hợp trong lập quy hoạch tỉnh như sau:

1. Phạm vi hướng dẫn

Văn bản này hướng dẫn những nội dung về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp trong lập quy hoạch tỉnh mà chưa được quy định cụ thể tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2. Về cách thức tích hợp quy hoạch tỉnh

Cách thức tích hợp quy hoạch tỉnh là việc áp dụng phương pháp tích hợp quy hoạch trong lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Quy hoạch: "Tích hợp quy hoạch là *phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ* giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm *đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững*".

Phương pháp tích hợp quy hoạch, tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ, thực hiện theo quy trình lập quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh, trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch tỉnh, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng nội dung quy hoạch tỉnh và trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 8, các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 11, Điều 13 và khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Khi thực hiện phương pháp tích hợp lập quy hoạch tỉnh, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch cần chú ý một số vấn đề sau đây:

- Đảm bảo tiếp cận tổng hợp, phối hợp đồng bộ trong lập quy hoạch tỉnh và đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững của địa phương.

Quy hoạch tỉnh được lập thống nhất cho thời kỳ quy hoạch 2021-2030, bao gồm các nội dung quy hoạch ngành, lĩnh vực khác nhau ở cấp tỉnh đã được lập riêng rẽ cho thời kỳ quy hoạch 2011-2020, nay không được lập riêng rẽ cho thời kỳ quy hoạch 2021-2030. Do đó, khi lập quy hoạch tỉnh, cần thống nhất về số lượng, chất lượng và quy cách thu thập dữ liệu lập quy hoạch; đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương; quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển của địa phương trong thời kỳ quy hoạch, "*đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững*", để làm cơ sở cho việc đề xuất, rà soát và lập một quy hoạch thống nhất, bao gồm các nội dung quy hoạch thuộc các ngành, lĩnh vực, các khu vực khác nhau trên phạm vi lãnh thổ quy hoạch. Đồng thời, khi triển khai thực hiện cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị liên quan trong lập quy hoạch tỉnh. Để đảm bảo được điều này, cần xây dựng Kế hoạch lập quy hoạch tỉnh chặt chẽ, chuẩn xác và cụ thể hóa quy trình lập quy hoạch tỉnh quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch, xác định rõ nhiệm vụ được phân công cho các cơ quan, đơn vị tham gia lập quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP; yêu cầu về dữ liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện đối với từng nhiệm vụ cụ thể.

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch; thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; các quy định pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển địa phương, ngành, lĩnh vực; rà soát, kế thừa các nội dung phù hợp tại danh mục quy hoạch quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 bổ sung Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Để đảm bảo chất lượng của báo cáo quy hoạch, cần quản lý chặt chẽ việc xây dựng và thực hiện hợp đồng tư vấn lập quy hoạch (nếu có); kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc trong quá trình lập quy hoạch. Trong trường hợp cần thiết và phù hợp với hợp đồng tư vấn lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch tỉnh yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy hoạch xây dựng báo cáo đầu kỳ, báo cáo giữa kỳ và báo cáo cuối kỳ (đề nghị tham khảo yêu cầu đối với báo cáo đầu kỳ, báo cáo giữa kỳ và báo cáo cuối kỳ tại Phụ lục 1), và tổ chức đánh giá, xin ý kiến tham gia và thảo luận đối với các báo cáo.

- Đảm bảo xin ý kiến kịp thời Hội đồng quy hoạch quốc gia, các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các vấn đề phát sinh trong quá trình lập quy hoạch; cập nhật về mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; chỉ đạo việc lập quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, kế thừa, ổn định và thống nhất giữa các cấp quy hoạch theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14.

3. Về mức độ chi tiết tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh

Mức độ chi tiết của các nội dung quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch, theo đó quy hoạch tỉnh "*định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực... ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn huyện*". Nội dung chi tiết của phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; các phương án quy hoạch và phương án phát triển được quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; và quy định tại khoản 2, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đề nghị tham khảo về mức độ chi tiết một số nội dung phương phướng phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục 2.

4. Về cấu trúc Báo cáo quy hoạch tỉnh

Để đảm bảo Hồ sơ trình thẩm định được thống nhất, đề nghị thực hiện cấu trúc của Báo cáo quy hoạch tỉnh như Phụ lục 3.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng quy hoạch quốc gia (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ KH&ĐT: Các Thứ trưởng và các Vụ: KTĐP< KTCN; KTNN; KTDV; KHGDTN&MT; LĐVHXH; KCHT&ĐT; PC.
- Lưu: VT, QLQH. TQA, 2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

Phụ lục 1

YÊU CẦU ĐỐI VỚI

BÁO CÁO ĐẦU KỲ, BÁO CÁO GIỮA KỲ VÀ BÁO CÁO CUỐI KỲ

(Kèm theo Công văn số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, đề nghị tham khảo yêu cầu xây dựng các báo cáo như sau:

- Báo cáo đầu kỳ: Cơ quan tư vấn lập quy hoạch tỉnh xây dựng báo cáo đầu kỳ theo yêu cầu của Cơ quan lập quy hoạch làm cơ sở để xác định các nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá về số lượng, chất lượng và quy cách thu thập dữ liệu đầu vào; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở cho việc lập quy hoạch tỉnh; định hướng nghiên cứu và giới hạn nội dung, phạm vi nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch phân công cho cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019.

- Báo cáo giữa kỳ: Cơ quan tư vấn lập quy hoạch tỉnh xây dựng báo cáo giữa kỳ đề xuất nguyên tắc và cách thức tích hợp để Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan lựa chọn phương án tích hợp các nội dung quy hoạch do cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất vào quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019. Đồng thời rà soát, nghiên cứu, thống nhất lựa chọn các nội dung quy hoạch phù hợp tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 bổ sung Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

- Báo cáo cuối kỳ: Cơ quan tư vấn lập quy hoạch tỉnh xây dựng báo cáo cuối kỳ (dự thảo Báo cáo quy hoạch) làm cơ sở để Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng theo điểm d và điểm đ Điều 16 Luật Quy hoạch.

Phụ lục 2

MỨC ĐỘ CHI TIẾT TÍCH HỢP
MỘT SỐ NỘI DUNG QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 513/BKHĐT-QLQH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Phương án phát triển các cụm công nghiệp *(quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

Thực hiện theo Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung *(quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

a) Phương án tổ chức tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn: Mức độ chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch;

b) Phương án tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: Mức độ chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

3. Phương án phân bố hệ thống điểm dân cư

Mức độ chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

4. Xác định khu quân sự, an ninh *(quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

a) Xác định khu quân sự

Xác định và khoanh vùng các khu vực liên quan đến quốc phòng trên đất liền, trên biển và đảo thuộc phạm vi ranh giới tỉnh, tuân thủ quy định bảo mật, bao gồm:

Rà soát, bổ sung, cập nhật các vị trí, diện tích đất quốc phòng của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đang quản lý, sử dụng theo Điều 61 Luật Đất đai; hệ thống công trình quốc phòng và khu quân sự đang quản lý, bảo vệ và sử dụng theo Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; các khu vực quy hoạch xây dựng công trình CT229 theo Quyết định số 1214/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 và Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; các khu kinh tế - quốc phòng được quy hoạch theo Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2015 và Quyết định số 49/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch các khu kinh tế - quốc phòng; các quy hoạch

sơ tán của các Bộ, ngành theo Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xác định khu an ninh

Xác định và khoanh vùng các khu vực liên quan đến an ninh trên đất liền, trên biển và đảo thuộc phạm vi ranh giới tỉnh, tuân thủ quy định bảo mật, bao gồm: Khu vực doanh trại, trụ sở đóng quân, khu vực bảo vệ an ninh; nhà khách, nhà công vụ của lực lượng vũ trang; khu vực Chính phủ giao cho Bộ Công an quản lý, bảo vệ và sử dụng trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, bổ sung, cập nhật các vị trí, diện tích đất an ninh của các đơn vị thuộc Bộ Công an đang quản lý, sử dụng theo Điều 61 Luật Đất đai; mã hóa ký hiệu và khoanh định các khu vực an ninh trên bản đồ quy hoạch.

5. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực trên địa bàn tỉnh *(quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

a) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh gồm những nội dung như sau:

- Xác định các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, bao gồm: các xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc có trình độ dân trí và mức sống thấp so với mức bình quân chung của tỉnh.

- Định hướng phát triển kinh tế các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn gắn với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, thoát nghèo bền vững, từng bước nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống với các vùng khác của tỉnh.

- Xây dựng phương án kết nối, liên kết giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

- Giải pháp thực hiện nội dung đề xuất.

- Thể hiện nội dung đề xuất trên bản đồ.

b) Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực của tỉnh

- Xác định các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, bao gồm: các trung tâm đô thị, vùng công nghiệp tập trung, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị mới, phát triển các cơ sở công nghiệp tại các khu vực có vai trò

động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.

- Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững các khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển các khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

- Giải pháp thực hiện nội dung đề xuất.

- Thể hiện nội dung đề xuất trên bản đồ.

6. Phương án phát triển mạng lưới giao thông đường tỉnh *(quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

Phương án phát triển mạng lưới giao thông đường tỉnh có nội dung chủ yếu như sau:

a) Thể hiện các dự án kết cấu hạ tầng giao thông đã được quy hoạch ở cấp quốc gia; các dự án kết cấu hạ tầng giao thông cấp vùng, liên tỉnh được xác định ở quy hoạch vùng.

b) Phương án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ

- Phương án phát triển các tuyến đường tỉnh, đường vành đai, một số đường trục chính trong đô thị.

- Phương án phát triển giao thông nông thôn.

- Phương án bố trí các bến, bãi đỗ xe.

- Phương án kết nối các tuyến đường mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh với các kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng trên địa bàn.

c) Phương án phát triển mạng lưới đường sắt trên địa bàn tỉnh, bao gồm các ga, tuyến đường sắt và phương án kết nối mạng lưới đường sắt với các kết cấu hạ tầng giao thông khác trên địa bàn.

d) Phương án phát triển giao thông đường thủy nội địa

Phương án phát triển tuyến đường thủy nội địa, các bến, cảng đường thủy nội địa địa phương.

đ) Tính toán, tổng hợp quỹ đất dành cho giao thông

Quỹ đất dành cho giao thông bao gồm đất dùng cho kết cấu hạ tầng giao thông các chuyên ngành đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, đường biển, hàng không, bao gồm cả phần nền và phần diện tích dành cho hành lang an toàn giao thông; đất dùng cho các nhà ga, bến cảng, sân bay, bến xe, bãi đỗ,...

Căn cứ vào các phương án phát triển giao thông, các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định về bảo vệ hành lang an toàn giao thông tính toán tổng quỹ đất dành cho giao thông trên địa bàn tỉnh.

đ) Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển mạng lưới giao thông tỉnh.

e) Thể hiện nội dung phương án phát triển giao thông trên bản đồ.

7. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối *(quy định tại điểm e khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tổng hợp danh mục các nguồn điện trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

b) Liên kết lưới điện với các tỉnh lân cận.

c) Cân bằng cung cầu điện của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch.

d) Chương trình phát triển lưới điện 110 kV của tỉnh.

đ) Phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110 kV.

e) Phương án cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia.

g) Phương án cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo không được nối lưới;

h) Sơ đồ nguyên lý các lộ xuất tuyến đường dây trung áp sau trạm 110 kV;

i) Danh mục các đường dây trung áp và trạm biến áp phân phối sau các trạm 110kV;

k) Tổng khối lượng lưới điện trung áp và ước tính khối lượng hạ áp cần đầu tư xây dựng trong thời kỳ quy hoạch, theo các giai đoạn 05 năm.

l) Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển điện lực tỉnh;

m) Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các công trình điện;

o) Tổng hợp khối lượng đầu tư và dự kiến nhu cầu vốn đầu tư cho thời kỳ quy hoạch;

p) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh;

q) Cơ chế thực hiện quy hoạch, bao gồm: cơ chế thực hiện, cơ chế tài chính;

r) Thể hiện phương án phát triển cấp điện, mạng lưới truyền tải và lưới điện phân phối cấp tỉnh trên bản đồ.

8. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện *(quy định tại điểm h khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi liên huyện gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, tính toán và xây dựng phương án thủy lợi theo các kịch bản phát triển trên phạm vi lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính, bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước;

- Đề xuất giải pháp, danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên; đề xuất, kiến nghị rà soát để phục vụ điều chỉnh các quy hoạch có liên quan đến thủy lợi, phòng chống lũ, lụt và thiên tai do nước gây ra bảo đảm đồng bộ, thống nhất;

- Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển thủy lợi;

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng đất để chứa vật liệu nạo vét, mở rộng kênh, mương;

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước liên huyện gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định nguồn nước; phân loại các tiểu vùng theo mức độ thuận lợi và khó khăn về cung cấp nguồn nước ngầm và nước mặt cho các nhà máy nước sạch (phân loại theo chất lượng và trữ lượng theo mùa) trên địa bàn; tại những vùng nhiễm mặn cần thể hiện các đường đẳng mặn;

- Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước;

- Phương án phát triển các nhà máy nước liên huyện, cấp nước cho các đô thị, khu vực nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn (dự kiến công suất, nguồn nước);

- Phương án phát triển mạng lưới đường ống dẫn nước cấp I;

- Các phương án đảm bảo sự kết nối giữa các công trình trong mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh;

- Phương án quản lý khai thác và sử dụng mạng lưới cấp nước, bảo đảm an toàn, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai;

- Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước;

- Xác định nhu cầu sử dụng đất và mặt nước cho phát triển mạng lưới cấp nước.

- Thể hiện phương án phát triển mạng lưới cấp nước trên bản đồ.

9. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải liên huyện *(quy định tại điểm i khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

Phương án phát triển các khu xử lý chất thải liên huyện có các nội dung chủ yếu như sau:

a) Điều tra, đánh giá, dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các chất thải;

b) Đánh giá khả năng phân loại tại nguồn và khả năng tái chế, tái sử dụng chất thải;

c) Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trung chuyển, cơ sở xử lý và chôn lấp chất thải;

d) Xác định phương thức thu gom, tuyến đường vận chuyển chất thải;

đ) Đề xuất các tiêu chí cần đạt được khi lựa chọn công nghệ xử lý chất thải;

e) Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển các khu xử lý chất thải;

g) Xây dựng kế hoạch và nguồn lực thực hiện để bảo đảm thống kê đầy đủ và xử lý triệt để tất cả các loại chất thải.

h) Thể hiện phương án phát triển các khu xử lý chất thải liên huyện trên bản đồ.

10. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh *(quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch)*

Mức độ chi tiết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch. Nội dung phương án phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh gồm:

a) Điều tra, đánh giá nhu cầu phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;

b) Xác định mục tiêu phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;

c) Xác định phương án phát triển, số lượng, địa điểm bố trí, quy mô công trình, diện tích sử dụng đất của các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;

d) Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong bố trí các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;

đ) Xây dựng kế hoạch bố trí vốn ngân sách và thu hút vốn đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh;

e) Thể hiện phương án phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh trên bản đồ.

Phụ lục 3

CẤU TRÚC BÁO CÁO QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo văn bản số 378/BKHĐT-QLQH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Báo cáo quy hoạch tỉnh gồm Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh được quy đinh tại khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

2. Yêu cầu về kết cấu, nội dung Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh

Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh cần thể hiện một số nội dung cơ bản sau đây (theo nhiệm vụ quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt):

Phần I. Mở đầu

Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch tỉnh; các căn cứ lập quy hoạch tỉnh; phạm vi, ranh giới, thời kỳ quy hoạch, mục tiêu, nguyên tắc, quan điểm lập quy hoạch; cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu để lập quy hoạch.

Phần II. Nội dung quy hoạch tỉnh

Gồm toàn bộ những nội dung chủ yếu của quy hoạch tỉnh được quy định tại khoản 1 và các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k l, m, n, o, p khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Phần III. Hệ thống sơ đồ, bản đồ

Thực hiện theo quy định tại mục IX Phụ lục 1 kèm Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là dữ liệu khung cho hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch tỉnh.

Bản đồ quy hoạch các khu vực bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng: gồm bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1/100.000; nội dung thể hiện khu vực xác định tại Mục 5 Phụ lục 1.

3. Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch và Chương V Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Việc khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thực hiện theo văn bản số 6999/BTNMT-ĐĐBĐVN ngày 07 tháng 12 năm 2020 về quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch./.